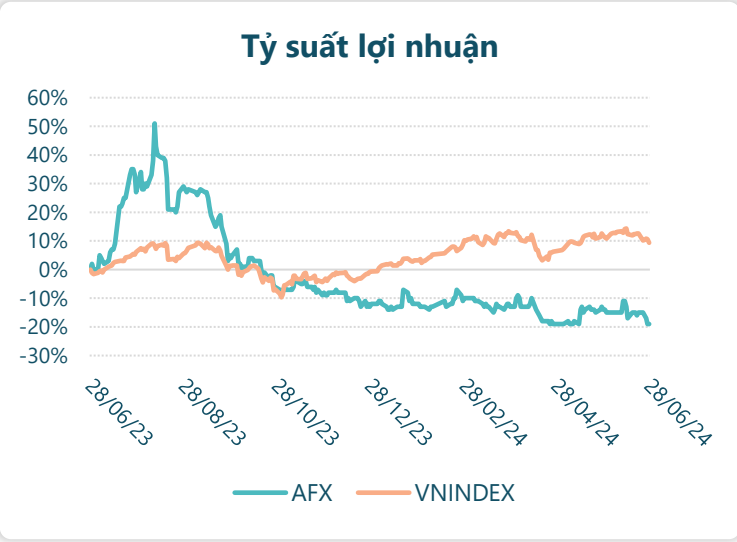


Ngày	8,100 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-4.7%	-6.9%	-9.0%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,100 - 15,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	284
Số lượng CPLH (CP)	35,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	402,255
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.87
EPS	843
P/E	9.6



Doanh thu thuần
Q2/24

609

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 212 | 53.5%

YoY: ▲ 22.0 | 3.8%

Nợ/VCSH
Q2/24

160%

YoY: +/-▲ 9.3%

LN gộp
Q2/24

18.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.50 | -7.4%

YoY: ▼2.30 | -11.0%

ROE (TTM)
Q2/24

6.6%

YoY: +/-▲ 0.7%

LN trước thuế
Q2/24

11.1

tỷ VNĐ

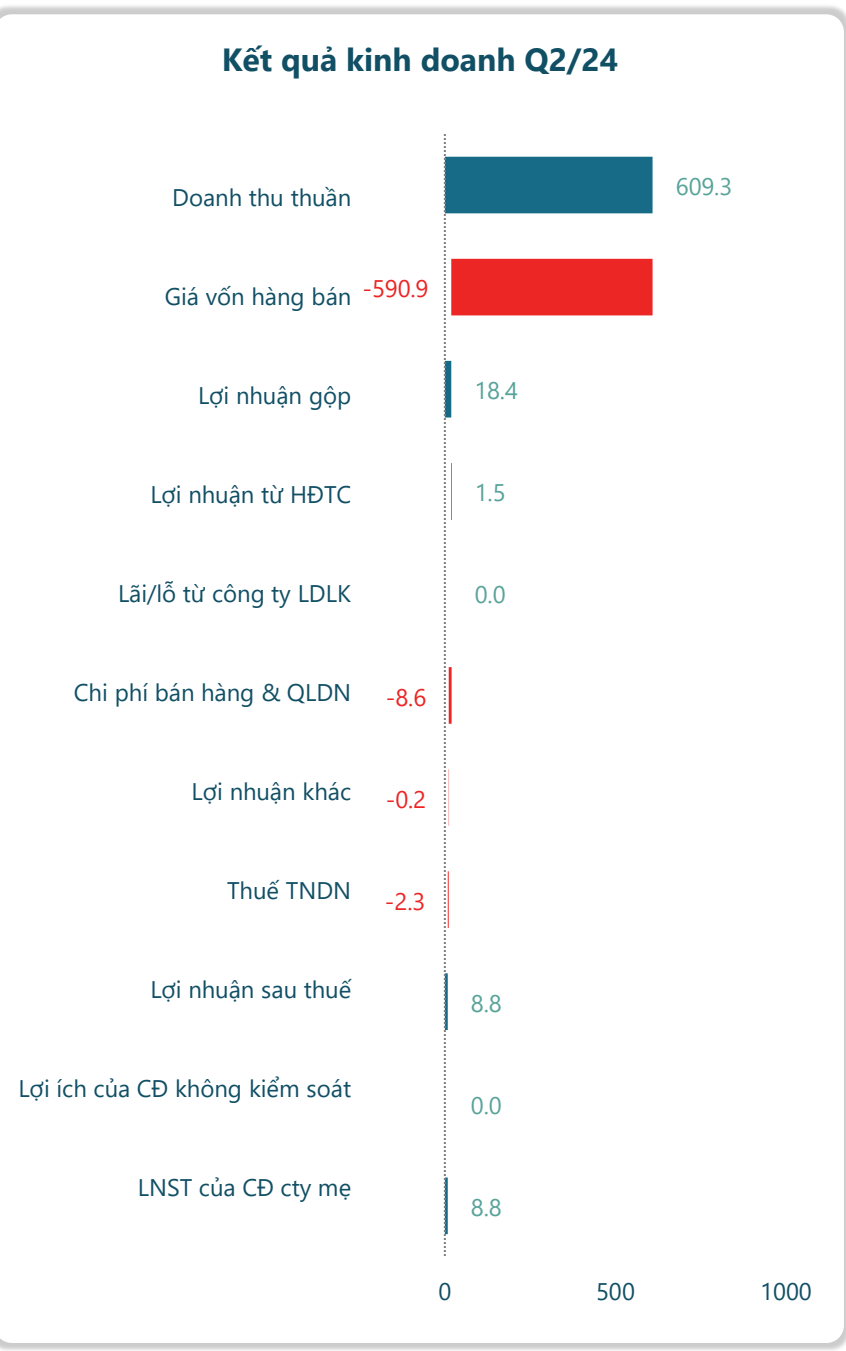
QoQ: ▲ 6.26 | 129%

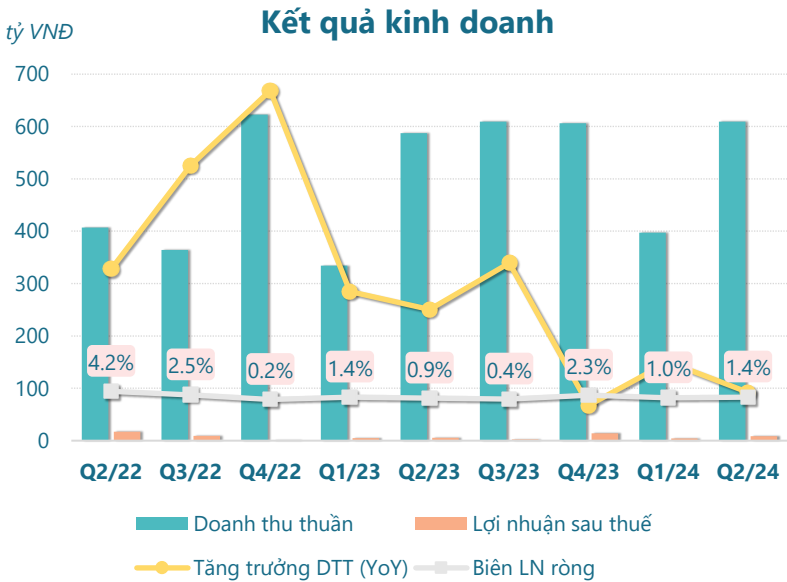
YoY: ▲ 4.50 | 67.6%

ROA (TTM)
Q2/24

2.5%

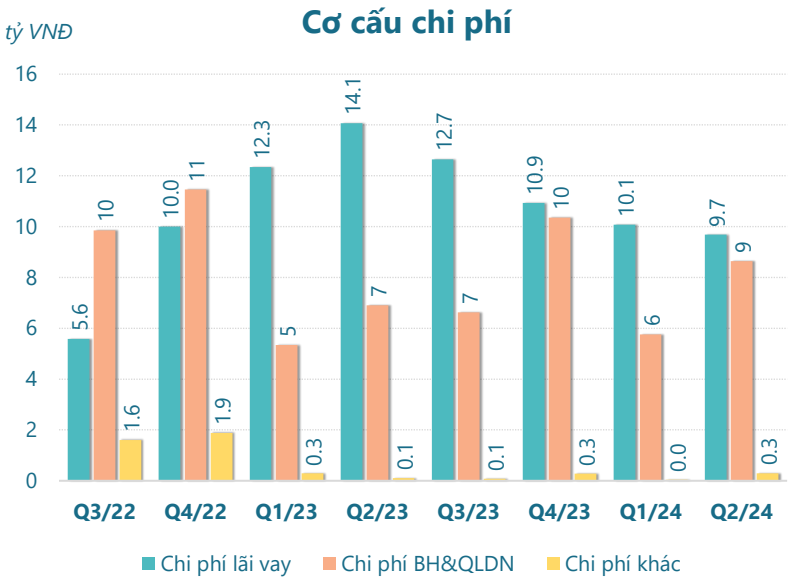
YoY: +/-▲ 0.2%





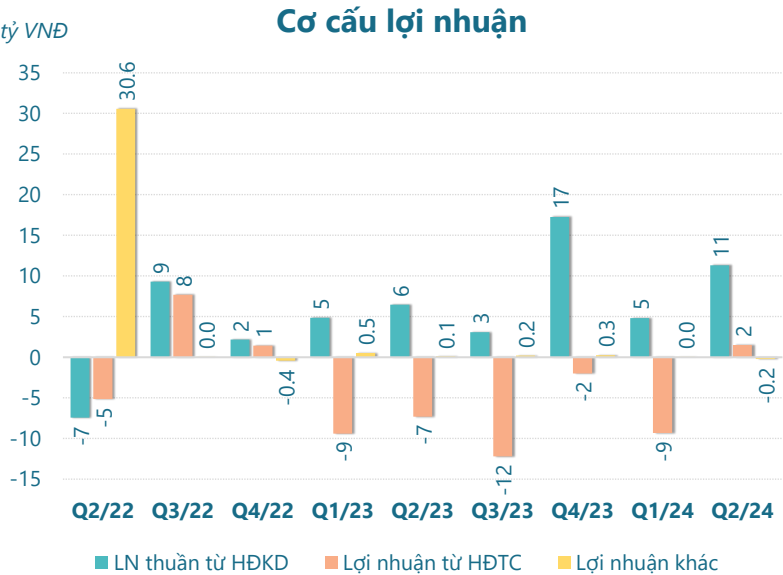
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 11.30 tỷ đồng**, tăng thêm 134% so với kỳ trước và cao hơn 74.1% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 1.52 tỷ đồng**, tăng thêm 10.85 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 8.83 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.24 tỷ đồng** giảm đi 2500% so với kỳ trước và thấp hơn 300% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **AFX** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **609.3 tỷ đồng** tăng thêm **3.74%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 8.77 tỷ đồng, tăng trưởng 68.3%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **1,006 tỷ đồng** cao hơn 9.11% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 13.00 tỷ đồng** cao hơn 30.0% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **9.69 tỷ đồng** giảm đi 3.77% so với kỳ trước và thấp hơn 31.1% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **8.64 tỷ đồng** tăng thêm 50.0% so với kỳ trước và cao hơn 25.2% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.30 tỷ đồng** tăng thêm 500% so với kỳ trước và cao hơn 200% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	609	397	53.5%	587	3.8%	1,006	922	9.2%
Giá vốn hàng bán	591	377	56.7%	567	4.2%	968	881	9.8%
Lợi nhuận gộp	18.4	19.9	-7.4%	20.7	-11.0%	38.3	40.3	-4.8%
Doanh thu HĐTC	11.2	1.11	912%	7.84	43.3%	12.3	10.8	13.8%
Chi phí TC	9.71	10.4	-6.6%	15.2	-36.1%	20.1	27.5	-26.9%
Chi phí lãi vay	9.69	10.1	-4.1%	14.1	-31.3%	19.8	26.4	-25.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	2.47	2.40	2.8%	3.13	-21.2%	4.87	5.43	-10.3%
Chi phí QLDN	6.18	3.36	83.9%	3.77	63.9%	9.54	6.81	40.0%
LN thuần từ HĐKD	11.3	4.83	134%	6.49	74.2%	16.1	11.4	42.1%
Lợi nhuận khác	-0.24	0.01	-2542%	0.12	-303%	-0.24	0.65	-136%
LN trước thuế	11.1	4.84	129%	6.60	67.6%	15.9	12.0	32.4%
Lợi nhuận sau thuế	8.77	4.11	113%	5.21	68.3%	12.9	9.91	30.0%
LNST của CĐ cty mẹ	8.77	4.11	113%	5.21	68.3%	12.9	9.91	30.0%

